

Số: **3785** /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **13** tháng 11 năm 2025

V/v báo giá thuê ngoài bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định các thiết bị phân tích nước online và các thiết bị hệ thống giám sát khí thải, nước thải năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty, các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang có nhu cầu lập dự toán: **Thuê ngoài bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định các thiết bị phân tích nước online và các thiết bị hệ thống giám sát khí thải, nước thải năm 2026**. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu tuân thủ theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá dịch vụ theo Phụ lục đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn - Bình Khê - Quảng Ninh).

- Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn - Bình Khê - Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Bà Đào Thị Minh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0985.870.655).

- Thời gian báo giá: Chậm nhất ngày 21/11/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số **3785** /NĐĐT-KHVT ngày **13** /11/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)*(5)*(6)	(8)
I	Dịch vụ bảo dưỡng hiệu chuẩn các thiết bị phân tích nước online (*)						
1	Thiết bị phân tích pH	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	4,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu nước cấp, nước lò, nước làm mát máy phát, nước làm mát kín).
2	Thiết bị phân tích pH	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	4,00			Vị trí: Panel tổ máy số 2 (mẫu nước cấp, nước lò, nước làm mát máy phát, nước làm mát tuần hoàn kín).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
3	Thiết bị đo độ dẫn CC	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	7,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu đầu đẩy bom ngung, đầu vào khử khí, ra khử khí, nước cấp, hơi bão hòa, hơi quá nhiệt, hơi tái nhiệt).
4	Thiết bị đo độ dẫn CC	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	7,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu đầu đẩy bom ngung, đầu vào khử khí, ra khử khí, nước cấp, hơi bão hòa, hơi quá nhiệt, hơi tái nhiệt).
5	Thiết bị đo độ dẫn SC	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	3,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu nước cấp, nước lò, nước làm mát tuần hoàn kín).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6	Thiết bị đo độ dẫn SC	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	3,00			Vị trí: Panel tổ máy số 2 (mẫu nước cấp, nước lò, nước làm mát tuần hoàn kín).
7	Thiết bị phân tích pH	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	5,00			Vị trí: HT nước thải công nghiệp (bể tập trung, bể điều chỉnh pH, bể tái sử dụng).
8	Thiết bị phân tích DO	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	2,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu đầu ra khử khí, đầu đẩy bơm ngưng).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
9	Thiết bị phân tích DO	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	2,00			Vị trí: Panel tổ máy số 2 (mẫu đầu ra khử khí, đầu đẩy bơm ngưng).
10	Thiết bị phân tích Silica	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	2,00			Vị trí: Hệ thống khử khoáng (mẫu đầu ra tháp trao đổi Anion #1, #2, đầu ra tháp trao đổi hỗn hợp).
11	Thiết bị phân tích Silica	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: Panel lấy mẫu tổ 1 (mẫu nước cấp tổ #1, #2).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
12	Thiết bị phân tích Silica	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: Panel lấy mẫu tổ 2 (mẫu hơi bão hòa, hơi quá nhiệt tổ #1, #2).
13	Thiết bị phân tích độ dẫn	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	3,00			Vị trí: Hệ thống khử khoáng (mẫu đầu ra tháp trao đổi Anion #1, #2, đầu ra tháp trao đổi hỗn hợp #1, #2, nước cấp bổ sung lên lò).
14	Thiết bị phân tích Na ⁺	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	2,00			Vị trí: Hệ thống khử khoáng dây #1, #2 (mẫu nước ra tháp trao đổi Cation #1, #2).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
15	Thiết bị phân tích Hydrazine	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: Panel tổ máy số 1 (mẫu nước cấp).
16	Thiết bị phân tích Hydrazine	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: Panel tổ máy số 2 (mẫu nước cấp).
17	Thiết bị phân tích độ đục	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: HT Nước thải công nghiệp (đầu ra bộ lọc không van).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
18	Thiết bị phân tích độ đục	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	1,00			Vị trí: HT Nước thải sinh hoạt (đầu ra bộ lọc cát).
19	Thiết bị phân tích độ đục	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	2,00			Vị trí: HT Nước thải nhiễm than (nước ra bộ lọc than #1, #2).
20	Thiết bị phân tích độ đục	Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn: - Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng; - Hiệu chuẩn lại thiết bị (nếu thử chuẩn không đạt); - Thay thế vật tư tiêu hao định kỳ.	4	3,00			Vị trí: HT Nước thô (bể lắng, bể lọc trọng lực).

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
II	Dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định các thiết bị hệ thống giám sát khí thải, nước thải						
	<i>Thiết bị giám sát khí thải</i>						
1	Bộ giám sát khí thải Ultramat 23	Kiểm định định kỳ phương tiện đo SO ₂	1	2,00			Thông số: SO ₂ : (0 ÷ 2000) ppm
		Kiểm định định kỳ phương tiện đo NO _x	1	2,00			Thông số: NO _x : (0 ÷ 2000) ppm
		Kiểm định định kỳ phương tiện đo CO	1	2,00			Thông số: CO: (0 ÷ 1500) ppm
		Kiểm định định kỳ phương tiện đo O ₂	1	2,00			Thông số: O ₂ : (0 ÷ 25) %
		Hiệu chuẩn định kỳ thiết bị đo áp lực	1	2,00			Thông số: (-4 ÷ 4) kPa
		Hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng	1	2,00			
		Hiệu chuẩn thiết bị đo nồng độ bụi	1	2,00			Thông số: (0 ÷ 500) mg/m ³
		Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ	1	2,00			Thông số: (0 ÷ 300) độ C

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
Thiết bị giám sát nước thải							
1	Bộ giám sát nước thải Hach, SC1000	Kiểm định định kỳ phương tiện đo pH	1	1,0			Thông số: (-2 ÷ 14)pH
		Hiệu chuẩn phương tiện đo nhiệt độ	1	1,0			Thông số: (0 ÷ 80) độ C
		Kiểm định phương tiện đo Amoni	1	1,0			Thông số: (0 ÷ 1000) mg/l
2	Bộ đo lưu lượng nước	Hiệu chuẩn phương tiện đo lưu lượng nước	1	1,0			FDU90+FMU90 Endress + Hauser
3	Bộ giám sát nước thải Endress Hauser CM 442	Kiểm định phương tiện đo COD	1	1,0			Thông số: (0 ÷ 370) mg/l
		Kiểm định phương tiện đo TTS	1	1,0			Thông số: (0 ÷ 4000) mg/l
Thiết bị đo lưu lượng							
1	Đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	1	1,0			- DN 600, FEW432.R.0600.S1.B.R. E.81.B.M4-LPN.RCD .SC6.CWA. NSX: ABB

TT	Tên thiết bị	Nội dung công việc	Số lần bảo dưỡng (lần/ năm)	Số lượng (Bộ)	Đơn giá (đồng/ đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
2	Đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	1	1,0			- DN 150, FEW432.R.0150.S1.B.R. E.81.B.M4- LPN.RCD.SC6.CWA. NSX: ABB
3	Đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	Hiệu chuẩn đồng hồ đo lưu lượng kiểu kín	1	1,0			- DN 150 - Endress Hauser Promang 10
	Tổng						
	Thuế GTGT						
	Tổng cộng						
	Bảng chữ:						

Yêu cầu kỹ thuật sau bảo dưỡng, hiệu chuẩn:

- Thiết bị hoạt động bình thường, ổn định, không báo lỗi;
- Kết quả giá trị phép đo nằm trong phạm vi yêu cầu.